

BÀI 9. NUÔI DƯỠNG TÂM HỒN (12 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 2 tiết;
Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện.
- Nhận biết được chủ đề văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản; nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật; những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản.

- Nhận biết được tác dụng của lựa chọn cấu trúc câu đối với việc thể hiện nghĩa của văn bản.

- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.
- Biết yêu con người, yêu cái đẹp.

Tùy vào điều kiện thực tế của việc dạy học mà số tiết của từng nhóm kỹ năng có thể linh hoạt điều chỉnh sao cho đảm bảo được mục tiêu.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

GV nên kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học sau:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình để giải thích ngắn gọn về khái niệm “tâm hồn”, kiểu bài kể lại trải nghiệm, thế nào là tác dụng của việc lựa chọn cấu trúc câu đối với việc thể hiện nghĩa của văn bản, kết hợp với nêu ví dụ để HS hiểu rõ tri thức.

- Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, đàm thoại gợi mở để tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, chia sẻ ý kiến; tổ chức cho HS thực hành vận dụng kiến thức và kỹ năng.

- Ngoài ra GV có thể kết hợp thêm một số phương pháp khác như trực quan, trò chơi và một số kỹ thuật dạy học như kỹ thuật KWL, kỹ thuật nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ,... khi tổ chức dạy Đọc, Viết, Nói và nghe và *Tri thức tiếng Việt*.

- Tổ chức cho HS thuyết trình, chia sẻ ý kiến, thảo luận về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

2. Phương tiện dạy học

- SGK, SGV.

- Một số tranh ảnh liên quan đến bài học.

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng để chiếu VB mẫu.

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi sau khi đọc trong SGK thành phiếu học tập.

- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài kể lại một trải nghiệm của bản thân, bài trình bày của HS.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

GV có thể dẫn dắt vào bài học với một vài hoạt động gợi ý sau:

– Tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi về nội dung *Những niềm vui nho nhỏ*: HS suy nghĩ, viết ra giấy, chia sẻ với bạn về những hoạt động ngày thường mang đến cho mình cảm xúc vui vẻ, tích cực.

– Tổ chức cho các nhóm tham gia hoạt động thảo luận: lựa chọn một hình ảnh đại diện cho thế giới tâm hồn của con người (ví dụ: cái cây, bông hoa, ánh nắng mặt trời) và mô tả ngắn gọn tính chất của hình ảnh đó.

– Yêu cầu HS nhắm mắt và hình dung trong hoạt động hình dung, tưởng tượng: nếu được vẽ màu sắc cho cây tâm hồn của mình, em sẽ chọn vẽ màu gì, vì sao em chọn màu sắc đó. Sau đó, GV mời một vài HS chia sẻ trước lớp.

Tiếp theo, GV nêu câu hỏi lớn của bài học cho HS suy ngẫm.

TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

1. Tri thức đọc hiểu

HS đã được học tri thức đọc hiểu về thể loại truyện trong các bài *Lắng nghe lịch sử nước mình*, *Miền cổ tích* và *Điểm tựa tinh thần*, do đó, trong bài này, GV nên:

Trước tiên, nêu câu hỏi gợi nhắc những đặc điểm: chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật, chủ đề, tình cảm, cảm xúc của người viết. Sau đó, chia nhóm HS, mỗi nhóm trả lời một trong những câu hỏi sau về VB *Tuổi thơ tôi* (Nguyễn Nhật Ánh):

- Đề tài của truyện là gì?
- Chủ đề của truyện là gì?
- Tìm một vài chi tiết tiêu biểu trong truyện.
- Tình cảm, cảm xúc của tác giả đối với nhân vật Lợi như thế nào?

2. Tri thức tiếng Việt

Trong bài này, HS được học về *lựa chọn cấu trúc câu đối với việc thể hiện nghĩa của văn bản*. GV cung cấp kiến thức và hướng dẫn HS thực hành. Nội dung *Tri thức tiếng Việt* đã giải thích khái niệm lựa chọn cấu trúc câu và hướng dẫn cách lựa chọn cấu trúc cũng như tác dụng của nó. Ngoài những ví dụ đã có trong bài, GV nên tìm thêm các ví dụ khác bên ngoài và phân tích, giúp HS nhận thức được một cách đầy đủ hơn.

GV có thể linh hoạt hướng dẫn HS tìm hiểu kết hợp với phần *Thực hành tiếng Việt* sau khi học đọc văn bản 1, 2 và 3 để tạo thuận lợi cho việc tổ chức dạy học.

TÌM HIỂU KỸ NĂNG ĐỌC

1. Kỹ năng đọc hiểu truyện ngắn

Mục tiêu chính về việc dạy kỹ năng đọc theo thể loại của chủ điểm này là kỹ năng đọc thể loại truyện ngắn. Kỹ năng này HS đã được hướng dẫn ở bài 6, vì vậy, GV gợi nhắc kiến thức bằng cách nêu câu hỏi cho HS thảo luận:

– Trong bài 6 các em đã được học về truyện, bài 7 học về thể loại thơ. Vậy thơ khác truyện ở những điểm nào?

– Đọc truyện khác đọc thơ ở những điểm nào?

Dựa trên câu trả lời của HS, GV nhấn mạnh khi đọc truyện cần chú ý một số điểm như: cần nắm bắt các sự kiện (cốt truyện), tính cách nhân vật (thể hiện qua các chi tiết miêu tả hành động, ý nghĩ, ngoại hình...), tình cảm của tác giả đối với nhân vật có thể được thể hiện trực tiếp hoặc gián tiếp qua cách miêu tả, cách dùng từ ngữ, ngôn ngữ kể chuyện...

2. Kỹ năng suy luận

Ngoài kỹ năng đọc thể loại truyện ngắn, ở bài học này, HS còn được rèn luyện kỹ năng suy luận trong khi đọc. Kỹ năng này đã được học ở các bài trước nên GV chỉ gọi nhắc hoặc làm mẫu lại cho HS.

Trong quá trình đọc VB, GV cho HS thực hiện suy luận ở những chi tiết, đoạn truyện quan trọng. GV lưu ý nhắc HS cơ sở suy luận phải dựa trên việc bám sát các từ ngữ, chi tiết, hình ảnh, ... kết nối các yếu tố đó trong đoạn truyện và kết nối với hiểu biết của bản thân để các nhận xét rút ra đảm bảo tính hợp lý, logic.

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1: LĂNG QUẢ THÔNG

1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi Suy ngẫm và phân hồi

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phân hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phân hồi</i>
Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, chủ đề, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể tác phẩm.	1, 4, 5
Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ trong VB.	3
Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.	2, 6
Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.	7

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

Tổ chức hoạt động *Chiếc hộp bí mật*. GV phát cho mỗi HS một tờ giấy nhỏ, yêu cầu các em ghi câu trả lời cho câu hỏi trong mục *Chuẩn bị đọc* (SGK, tr. 62). Sau đó, bỏ những tờ giấy này vào một chiếc hộp nhỏ. Nội dung các câu trả lời trong chiếc hộp bí mật sẽ chỉ được mở ra ở cuối bài học, khi HS trả lời câu hỏi số 7.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

Đầu tiên, GV hướng dẫn HS cách ngắt nhịp đọc, cách đọc tên các nhân vật, địa danh.

Tiếp theo, tổ chức cho HS đọc phân vai, có thể phân thành các vai chính (người dẫn truyện, Đa-ni, nhạc sĩ E-đơ-va Gờ-ric, ông Nin-xơ, bà Mac-đa). Lưu ý: trước khi đọc phân vai, GV yêu cầu HS nêu cách đọc, giọng đọc của vai mà HS đảm nhiệm.

2.3. Suy ngẫm và phân hồi

Câu hỏi 1: Ở câu hỏi này, HS cần xác định được 3 sự việc chính của đoạn trích:

– Sự việc 1: Đa-ni chuẩn bị trang phục đi nghe hoà nhạc cùng cô Mac-đa và chú Nin-xơ.

– Sự việc 2: Đa-ni bất ngờ đón nhận món quà mà nhạc sĩ E-đơ-va Gờ-ric hứa tặng cô 10 năm trước: bản nhạc viết riêng cho cô năm cô 18 tuổi.

– Sự việc 3: Cảm xúc, suy nghĩ của Đa-ni sau khi đón nhận “món quà đặc biệt”.

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, liệt kê những sự việc chính xảy ra với nhân vật Đa-ni Pơ-đơ-xon trong đoạn trích trên tờ giấy ghi chú.

Sau khi HS hoàn thành, các em trao đổi tờ ghi chú với bạn bên cạnh và tiến hành sửa bài cho nhau dựa trên phần chốt của GV.

Câu hỏi 2, 3: Ở câu hỏi này, HS cần tìm và phân loại các chi tiết miêu tả nhân vật Đa-ni trên các phương diện: ngoại hình, hành động, lời nói, suy nghĩ, cảm xúc, ..., kết hợp với những chi tiết cho thấy tình cảm của tác giả dành cho nhân vật, từ đó rút ra những nhận xét về nhân vật. Những nhận xét đó phải khái quát được các đặc điểm nổi bật của Đa-ni là:

– Cô gái xinh đẹp, trong sáng (thể hiện qua ngoại hình, trang phục).

– Cô gái có tâm hồn mơ mộng, tinh tế, giàu trí tưởng tượng, giàu cảm xúc (thể hiện qua những chi tiết miêu tả cảm xúc của cô khi nghe nhạc giao hưởng, các hình ảnh tương tượng của cô về quê hương với khu rừng, tiếng tù và, tiếng sóng, ... khi nghe bản nhạc mà E-đơ-va Gờ-ric tặng cô).

– Cô gái hiểu biết, luôn biết ơn, trân trọng những giá trị mình được đón nhận (thể hiện qua những suy nghĩ của Đa-ni trong khi, sau khi nhận món quà nhạc sĩ E-đơ-va Gờ-ric tặng cô).

GV nên thiết kế tích hợp nội dung 2 câu thành phiếu học tập (có thể thiết kế phiếu dưới dạng bảng biểu hoặc bộ câu hỏi định hướng) và tổ chức cho HS thảo luận nhóm. Sau thời gian thảo luận, mỗi nhóm chỉ giữ lại thành viên thư kí, các HS còn lại chia đều sang các nhóm khác. Các nhóm mới được nghe thư kí nhóm cũ trình bày nội dung trong phiếu học tập và cùng góp ý, bổ sung ý kiến vào tờ phiếu đó.

Cuối cùng, GV mời một nhóm đại diện trình bày và chốt lại kiến thức trọng tâm trong bài đọc.

Câu hỏi 4: HS cần chỉ ra được đề tài truyện ngắn *Lãng quâ thông*.

Gợi nhắc HS nhớ lại khái niệm đề tài đã học ở bài *Miền cổ tích*: “Đề tài là hiện tượng đời sống được miêu tả, thể hiện qua văn bản”. Trên cơ sở đó, GV hướng dẫn HS thảo luận về đề tài của VB.

Gợi ý: *Lãng quâ thông* miêu tả về cuộc gặp gỡ giữa E-đơ-va Gờ-ric và cô bé Đa-ni Pơ-đơ-xon.

GV nên tổ chức cho HS thảo luận cặp, theo quy trình “nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ”. Sau đó mời đại diện một số cặp trình bày kết quả thảo luận.

Câu hỏi 5: Sau đây là một vài gợi ý về chủ đề của truyện:

Gợi nhắc HS nhớ lại khái niệm chủ đề đã học ở bài *Miền cổ tích*: Chủ đề là vấn đề chính mà văn bản nêu lên qua một hiện tượng đời sống.

Gợi ý: Chủ đề của *Lãng quâ thông*: Qua câu chuyện về cách tặng quà và món quà mà nhạc sĩ E-đơ-va Gờ-ric tặng cô bé Đa-ni Pơ-đơ-xon, tác giả khẳng định giá trị và ý nghĩa của món quà tinh thần và của âm nhạc đối với tâm hồn con người.

Truyện ngắn *Lãng quâ thông* đề cập đến vấn đề: Giá trị, sự kì diệu của âm nhạc đối với đời sống tâm hồn con người.

Lưu ý: Chủ đề nêu ra cần tương thích với đề tài đã nêu ở câu trên.

GV nên tổ chức cho HS thảo luận cặp, theo quy trình nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ. Sau đó mời đại diện một số cặp trình bày kết quả thảo luận.

Một gợi ý khác là GV có thể kết hợp câu hỏi 4, 5 thành phiếu học tập để HS thảo luận cặp, qua đó, phân biệt cho các em sự khác nhau giữa đề tài – chủ đề.

Câu hỏi 6: Đây là một câu hỏi mở, HS có thể có những câu trả lời như:

– Món quà đánh thức trong tâm hồn Đa-ni những hình ảnh đẹp đẽ về thiên nhiên quê hương và thời thơ ấu.

– Món quà giúp Đa-ni cảm nhận tình yêu, lòng nhân hậu mà nhạc sĩ E-đơ-va Gờ-ric dành cho cô.

– Món quà giúp Đa-ni cảm nhận rõ rệt về tình yêu cuộc đời, lòng biết ơn, những tình cảm tốt đẹp này sẽ giúp cô sống một cuộc đời có ý nghĩa.

– Món quà củng cố niềm tin về việc giữ lời hứa của người lớn với một đứa trẻ.

GV nên tổ chức cho HS làm việc cá nhân, viết ra giấy ghi chú để HS có thể bộc lộ được những góc nhìn, ý kiến cá nhân của em về ý nghĩa của món quà.

Câu hỏi 7: GV cần khuyến khích HS nêu ý kiến về cách cho và cách nhận một món quà từ trải nghiệm của bản thân (ở bước chuẩn bị đọc) và từ quá trình đọc truyện *Lăng quã thông*. Sau đây là một số gợi ý:

– Cách cho đi một món quà:

+ Đặt cả tấm lòng và tình cảm hoặc những lời chúc tốt đẹp trong món quà trao cho người khác.

+ Giá trị món quà trao đi nhiều khi không cần là vật chất mà là một niềm vui, sự yêu thương, một sản phẩm tinh thần,...

+ Cách tặng quà quan trọng hơn món quà, vì vậy, hãy chỉ tặng món quà khi người nhận hiểu giá trị của quà tặng đó.

– Cách nhận một món quà:

+ Nhận món quà với thái độ trân trọng tấm lòng của người tặng quà.

+ Nhận món quà với lòng biết ơn.

+ Nhận món quà với ý thức gìn giữ, nâng niu hoặc có những thái độ, hành động làm tăng lên giá trị, ý nghĩa của món quà.

GV có thể tổ chức hoạt động *Mở chiếc hộp bí mật* theo các bước sau:

– Bước 1: GV mở chiếc hộp đựng các tờ giấy ghi chia sẻ ban đầu của HS, yêu cầu các em nhận lại tờ giấy đó của mình.

– Bước 2: HS đọc lại nội dung chia sẻ mà em đã viết ở tiết số 1, tiếp tục viết vào tờ giấy (bằng mực đỏ) những suy nghĩ của em về cách cho và cách nhận một món quà dựa trên trải nghiệm cá nhân (hoạt động trước khi đọc) và cách nhạc sĩ E-đơ-va Gờ-ric tặng quà, cách Đa-ni nhận quà trong truyện *Lăng quã thông*.

– Bước 3: HS chia sẻ ý kiến với các bạn trong nhóm, các nhóm thống nhất ý kiến về cách cho và nhận một món quà.

– Bước 4: GV mời một vài nhóm HS đại diện trình bày kết quả.

VĂN BẢN 2: CON MUỐN LÀM MỘT CÁI CÂY

1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi Suy ngẫm và phản hồi

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Mục tiêu	Hệ thống câu hỏi suy ngẫm và phản hồi
Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, chủ đề, câu chuyện, nhân vật trong tính chính thể tác phẩm.	1,5
Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.	2,3,4
Nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai VB.	6
Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.	7

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

Có hai cách sau:

– Cho HS chuẩn bị phân chia sẻ (dưới dạng viết ngắn) về kỉ vật của một người thân mà em giữ mãi ở nhà, sau đó đến lớp trình bày.

– Yêu cầu HS mang đến lớp một kỉ vật của người thân mà em lưu giữ hoặc một bức ảnh chụp/bức tranh vẽ về kỉ vật đó và chia sẻ với các bạn trong nhóm hoặc với bạn ngồi bên cạnh (tùy vào lượng thời gian khởi động của GV để quyết định hoạt động nhóm hay cặp).

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

Tổ chức cho HS đọc trực tiếp VB hoặc GV có thể đọc mẫu phần đầu của câu chuyện (chuyện lí do vì sao ông nội trồng cây ổi) cho HS, sau đó HS sẽ đọc hai phần còn lại (kỉ ức về cây ổi của Bum, ước mơ làm một cây ổi của Bum khi ông nội mất và đi xa căn nhà cũ). Sau mỗi phần, nên cho các em dừng lại 1, 2 phút để suy ngẫm và nhớ lại các chi tiết chính trong phần truyện vừa đọc.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi

Câu hỏi 1: Ở câu hỏi này, HS cần chỉ ra được đề tài truyện ngắn *Con muốn làm một cái cây*. Sau đây là một số gợi ý cho câu trả lời:

- Kỷ niệm thời thơ ấu gắn với thiên nhiên.
- Tình cảm ông cháu.
- Sự cô đơn của đứa trẻ khi xa rời không gian sống quen thuộc.

GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân xác định đề tài truyện *Con muốn làm một cái cây* vào giấy ghi chú. Sau khi viết xong, HS đổi bài cho bạn bên cạnh và chăm, sửa cho nhau dựa trên phần chốt của GV.

Câu hỏi 2: Với câu hỏi này, dựa trên việc liệt kê các chi tiết miêu tả ông nội và Bum, HS cần rút ra được những nhận xét chính về hai nhân vật như sau:

Ông nội Bum:

- Yêu thương cháu, luôn dành cho cháu những sự chăm sóc, quan tâm.
- Hiểu đặc điểm, tâm lí, sở thích của những chú bé trai để đem đến những “món quà đặc biệt” của tuổi ấu thơ: trồng cây ổi để Bum leo trèo, chơi đùa với bạn như bố của Bum ngày xưa.

Chú bé Bum:

- Hồn nhiên, tinh nghịch, yêu thương bạn bè.
- Yêu thương ông nội, luôn hãnh diện, tự hào và nhớ đến “món quà đặc biệt” của tuổi thơ mà ông nội dành tặng mình.
- Tâm hồn nhạy cảm, cảm nhận được nỗi buồn, sự cô đơn trong lòng mình khi xa cây ổi, xa căn nhà thơ ấu, xa bạn bè.

GV nên tổ chức thảo luận nhóm (4, 5 HS) vì đây là câu hỏi khó, đòi hỏi HS liệt kê chi tiết về hai nhân vật ông nội, Bum và rút ra nhận xét về hai nhân vật đó.

GV nên thiết kế phiếu học tập để giúp các nhóm có định hướng dễ dàng hơn trong việc liệt kê chi tiết và rút ra nhận xét về nhân vật.

Câu hỏi 3: Tổ chức hoạt động *Nếu em là Bum...* HS vẽ vào tờ giấy ghi chú một mặt cười (☺) hoặc một mặt buồn (☹). Mặt cười thể hiện Bum là chú bé hạnh phúc, mặt buồn thể hiện Bum là chú bé không hạnh phúc.

HS đi tìm những bạn trong lớp có cùng ý kiến với mình và lập thành hai nhóm: *Bum mặt cười* và *Bum mặt buồn*. Mỗi nhóm có phần chia sẻ ý kiến ngắn với nhau và đại diện các nhóm trình bày trước lớp lí do vì sao Bum hạnh phúc hoặc không hạnh phúc.

Một số lập luận HS có thể đưa ra ở nhóm *Bum mặt cười*:

- Bum có một tuổi ấu thơ vui vẻ, hồn nhiên, được đùa nghịch với các bạn.

– Bum có ông nội thương cháu, yêu cháu, hiểu cháu nên đã trồng cả một cây ôi cho chú bé leo trèo.

– Bum có bố mẹ thương con, hiểu con nên khi biết con buồn, đã cố gắng trồng lại cây ôi và rủ bạn bè cũ về nhà chơi với Bum, dù gia đình chuyển chỗ ở.

Một số lập luận HS có thể đưa ra ở nhóm *Bum mất buồn*:

– Bum mất ông nội, người bạn yêu thương và luôn bên cạnh Bum thời ấu thơ.

– Bum xa bạn bè cũ, xa cây ôi thân thiết thời thơ ấu nên có cảm giác lạc lõng, cô đơn sau khi gia đình chuyển nhà.

– Bố mẹ bận bịu làm ăn, ít có thời gian để quan tâm đến Bum, nhất là quan tâm đến những nỗi buồn, sự cô đơn bên trong tâm hồn con.

Câu hỏi 4: Trong câu hỏi này, HS cần xác định được các ý nghĩa của cây ôi xuất hiện từ đầu đến cuối văn bản trên cả 2 phương diện: ý nghĩa nội dung và ý nghĩa nghệ thuật.

– Cây ôi là quà tặng đặc biệt với sự chăm chút và tình yêu mà ông nội dành cho Bum.

– Cây ôi là nơi gắn kết bạn bè, với những trò leo trèo nghịch ngợm của các chú bé.

– Cây ôi là niềm vui của thời thơ ấu hồn nhiên, được lớn lên trong yêu thương và được làm bạn với thiên nhiên.

– Cây ôi là hình tượng xuyên suốt từ đầu đến cuối truyện ngắn, kết nối thời thơ ấu của ba Bum, của Bum, kết nối quá khứ (cây ôi ông trồng) – hiện tại (cây ôi trong bài văn viết về mơ ước của Bum) – tương lai (dự định trồng lại cây ôi của ba mẹ).

GV nên tổ chức thảo luận nhóm đôi (theo kỹ thuật nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ). Sau khi HS chia sẻ xong, GV mời đại diện một số cặp lên trình bày nội dung với cả lớp.

Câu hỏi 5: HS tự do nêu ý kiến, song cần xác định được thông điệp qua tác giả trên một số ý chính sau:

– Trẻ em cần được lớn lên trong yêu thương, chăm sóc và sự kết nối với bạn bè, thiên nhiên.

– Trẻ em cần được thấu hiểu, lắng nghe, nhất là thấu hiểu những cảm xúc bên trong (như cô đơn, buồn bã, ...).

– Trẻ em cần được lớn lên với một thơ ấu đầy ắp niềm vui, được chơi đùa, nghịch ngợm đúng với lứa tuổi.

GV nên tổ chức thảo luận nhóm đôi (theo kỹ thuật nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ). Sau khi HS chia sẻ xong, GV mời đại diện một số cặp lên trình bày nội dung với cả lớp.

Câu hỏi 6: GV tổ chức thảo luận nhóm, hoàn thành sơ đồ Venn so sánh nhân vật Đa-ni và Bum.

HS cần xác định được:

– Điểm giống nhau giữa Đa-ni và Bum: có đời sống tâm hồn phong phú nhạy cảm, giàu yêu thương.

– Điểm khác nhau giữa Đa-ni và Bum:

Đa-ni:

- + Cô gái xinh đẹp, trong sáng.
- + Cô gái ở lứa tuổi trưởng thành, lãng mạn, tinh tế, có đời sống nội tâm sâu sắc, phong phú.
- + Cô gái yêu đời và biết ơn những điều tốt đẹp mà mình đón nhận từ cuộc đời.

Bum:

- + Chú bé hồn nhiên, ngây thơ, tinh nghịch.
- + Chú bé giàu tình cảm, yêu ông, yêu bạn bè, yêu cây ổi – người bạn đặc biệt thời thơ ấu.
- + Chú bé có nhiều nỗi buồn, sự cô đơn khi bị xa cách với bạn bè cũ, không gian cũ gắn với tuổi thơ.

Các nhóm sau khi hoàn thành sơ đồ sẽ trao đổi kết quả cho nhau, mỗi nhóm có thêm thời gian 2 đến 3 phút góp ý, bổ sung kết quả thảo luận của nhóm bạn bằng mực đỏ.

GV mời đại diện 1 đến 2 nhóm lên trình bày và nhận xét, chốt kiến thức.

Câu hỏi 7: Với câu hỏi này, nên để HS tự do chia sẻ theo những trải nghiệm và suy nghĩ của các em.

HS chia sẻ theo cặp, sau đó đại diện một cặp chia sẻ với lớp.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: VÀ TÔI NHỚ KHÓI

1. Yêu cầu cần đạt

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung tản văn *Và tôi nhớ khói*.
- Liên hệ, kết nối với VB *Lãng qua thông*, *Con muốn làm một cái cây* để hiểu hơn về chủ điểm *Nuôi dưỡng tâm hồn*.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

– Trước khi đọc:

GV có thể cho HS ngắm một số hình ảnh vừa hùng vĩ, vừa mộc mạc, đời thường của vùng đất, con người Hà Giang qua ống kính nhiếp ảnh gia Trần Tuấn Việt hoặc chọn một trích đoạn ngắn trong 5 tập video kí sự *Bản tình ca của đá* mà nhiếp ảnh gia này đóng vai nhân vật trải nghiệm. Cho HS chia sẻ cảm xúc về đất và người Hà Giang sau khi xem hình/trích đoạn video.

– GV tổ chức cho HS đọc diễn cảm VB theo nhóm, mỗi em trong nhóm đọc một đoạn. GV đến một vài nhóm đọc cùng HS.

– Trọng tâm của tiết đọc văn bản này:

GV cần hướng dẫn HS hình dung kí ức của nhân vật “tôi” về ngọn khói bếp (gắn liền với mùi hương, bữa cơm, cuộc sống sinh hoạt, vui buồn của con người). Từ đó, HS nhận xét được vẻ đẹp của thế giới tâm hồn nhân vật để hiểu được giá trị của kí ức, kỉ niệm đối với mỗi người.

Câu hỏi 1: GV thiết kế phiếu học tập và tổ chức cho HS thảo luận nhóm để tìm ra những giác quan được người viết sử dụng để miêu tả khói và ý nghĩa của quê hương đối với tác giả. Ví dụ:

Khói được miêu tả bằng giác quan	Dẫn chứng	Nhận xét về hình ảnh khói	Ý nghĩa của quê hương với tác giả
Thị giác			
Thính giác			
Xúc giác			
Vị giác			
Cảm giác			

Câu hỏi 2: Qua nỗi nhớ về khói, có thể thấy nhân vật “tôi” là người có đời sống tâm hồn:

– Phong phú (lưu giữ những kí ức sống động về khói từ mùi vị, hình ảnh, âm thanh, màu sắc...).

– Tinh tế, nhạy cảm (cảm nhận được niềm vui, nỗi buồn của khói gắn liền với niềm vui, nỗi buồn của con người).

– Nhiều yêu thương (dành cho gia đình, tuổi thơ, con người, thiên nhiên và khói).

GV tổ chức cho HS thảo luận cặp để cùng nhau rút ra những nhận xét về đời sống tâm hồn của nhân vật “tôi” thông qua nỗi nhớ khói.

Câu hỏi 3: GV cho HS thảo luận nhóm, sau khi các thành viên trong nhóm nêu ý kiến, nhóm tổng hợp lại các ý chính, sau đó trình bày trên lớp để cùng nhau chốt lại những nhận xét về giá trị của những kỉ niệm trong quá khứ với cuộc sống mỗi con người.

Dựa trên câu trả lời của HS, GV chốt, bổ sung kiến thức.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Yêu cầu cần đạt

Nhận biết được tác dụng của lựa chọn cấu trúc câu đối với việc thể hiện nghĩa của văn bản.

2. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

Trong bài học này, HS được học kiến thức về *Lựa chọn cấu trúc câu và tác dụng của nó đối với việc thể hiện nghĩa của VB*.

GV dùng phương pháp diễn giảng kết hợp sơ đồ hoá cấu trúc cơ bản của câu (C – V), cấu trúc câu thay đổi trật tự các thành phần câu và cấu trúc câu có nhiều vị ngữ.

Qua đó, GV giúp HS hiểu thế nào là lựa chọn cấu trúc câu bằng việc đảo trật tự các thành phần câu với mục đích nhấn mạnh và đặt câu có nhiều vị ngữ liên tiếp với mục đích mở rộng nội dung kể, tả.

GV sử dụng những ví dụ trong sách HS để minh hoạ cho phần lí thuyết và tìm thêm một số ví dụ bổ sung.

Thực hành tiếng Việt

Bài tập 1: Nếu câu văn “Phụ công sức chăm bẵm, chờ mong của ông, cây ổi cứ ra hoa rồi rụng, quyết không bói quả.” được viết lại thành “Cây ổi cứ ra hoa rồi rụng, quyết không bói quả, phụ công sức chăm bẵm, chờ mong của ông.” thì ý nghĩa của câu sẽ mất đi dụng ý nhấn mạnh việc cây ổi không bói quả là “phụ công sức chăm bẵm, chờ mong của ông”.

Gợi ý hoạt động:

GV có thể áp dụng kĩ thuật nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ, HS sẽ trao đổi với bạn bên cạnh và cùng thống nhất câu trả lời.

GV mời một vài nhóm đại diện chia sẻ trước lớp.

Bài tập 2:

a. Câu văn sử dụng cấu trúc câu nhiều thành phần vị ngữ:

– *Chẳng bao lâu sau, những chùm bé xíu ấy to dần, chuyển từ màu xanh sẫm sang xanh nhạt, căng bóng.*

Vị ngữ 1: to dần.

Vị ngữ 2: chuyển từ màu xanh sẫm sang xanh nhạt.

Vị ngữ 3: căng bóng.

b. Việc sử dụng cấu trúc câu nhiều thành phần vị ngữ trong đoạn văn có tác dụng mở rộng nội dung kể, tả, giúp người đọc hình dung quá trình phát triển của những quả ổi.

Gợi ý hoạt động:

GV có thể áp dụng kĩ thuật nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ, HS sau khi hoàn thành phần trả lời của bạn sẽ trao đổi với bạn bên cạnh và cùng thống nhất câu trả lời.

GV mời một vài nhóm đại diện chia sẻ trước lớp.

Bài tập 3: Những kỉ niệm êm đềm ngày thơ ấu, tôi sẽ không bao giờ quên.

Gợi ý hoạt động:

HS làm việc cá nhân. GV tổ chức cho các em trao đổi kết quả và chấm cho bạn dựa trên hướng dẫn của GV về việc thay đổi câu văn với mục đích nhấn mạnh.

Nếu HS gặp khó khăn khi giải quyết câu hỏi này, GV gợi ý các em đọc lại ví dụ trong mục *Tri thức tiếng Việt* (SGK). Mục đích của bài tập này là giúp HS biết chuyển cụm từ in đậm lên vị trí đầu câu văn nhằm tạo tác dụng nhấn mạnh.

Bài tập 4: HS làm việc cá nhân. GV tổ chức cho các em trao đổi kết quả và chấm cho bạn dựa trên hướng dẫn của GV về việc viết câu văn có nhiều vị ngữ.

Lưu ý trong bài tập này, GV nhắc HS câu văn sử dụng nhiều vị ngữ mà các em viết cần đảm bảo các yêu cầu:

- Đúng cấu trúc câu có 1 chủ ngữ và nhiều vị ngữ.
- Có tính logic về mặt nghĩa của từ, câu.
- Có tính thẩm mỹ, tránh sử dụng ngôn từ tiêu cực hoặc thô vụng.

Bài tập 5:

a. Các từ ngữ được dùng theo biện pháp nhân hoá trong đoạn văn: *khói vui; ngọn lửa nhây nhót, reo vui phần phật.*

b. Tác dụng của việc sử dụng biện pháp nhân hoá: giúp hình ảnh khói trở nên sinh động, có cảm xúc đồng điệu với tâm trạng con người. Khói trở thành một thành viên trong gia đình, gần bó, chia sẻ niềm vui.

Gợi ý hoạt động:

GV có thể áp dụng kĩ thuật nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ, HS trao đổi với bạn bên cạnh và cùng thống nhất câu trả lời.

Chân trời sáng tạo

VIẾT NGẮN

Cho HS viết đoạn văn ở nhà, sau đó đến lớp trao đổi với bạn, gạch chân câu có nhiều vị ngữ và biện pháp nhân hoá đã sử dụng trong đoạn văn. Sau đó, mời một vài HS đọc đoạn văn cho cả lớp nghe. GV nên hướng dẫn HS dán các đoạn văn của mình lên bảng phụ để giờ ra chơi, các em đọc đoạn văn của nhau.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: CÔ BÉ BÁN DIÊM

1. Yêu cầu cần đạt

Nhận biết được một số yếu tố của truyện: đề tài; nhân vật; sự việc; chi tiết tiêu biểu; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản; chủ đề.

2. Thực hành đọc

Sau khi học *Lãng qua thông* và *Con muốn làm một cái cây*, ở phần này, HS được tự mình thực hành đọc hiểu một truyện ngắn. *Cô bé bán diêm* là truyện được gợi ý cho HS.

Đây là tác phẩm của một nhà văn quen thuộc với thiếu nhi – Hans Christian Andersen, cốt truyện giàu tính nhân văn, khơi gợi cảm xúc yêu thương, thấu cảm cho HS.

Khi đọc VB xong, HS trả lời 2 câu hỏi ở phần *Hướng dẫn đọc* (SGK) để tự kiểm tra kĩ năng đọc hiểu tác phẩm truyện ngắn của mình. Qua hoạt động này, một lần nữa, HS ôn lại các đặc điểm của thể loại truyện ngắn nói chung, cũng như nhìn thấy rõ hơn các đặc điểm đó được thể hiện sinh động qua từng tác phẩm cụ thể như thế nào.

GV nên giao nhiệm vụ cho HS đọc VB và hoàn thành các câu hỏi ở nhà.

Đến lớp, GV tổ chức một số hoạt động sau nhằm kiểm tra, đánh giá việc đọc ở nhà của HS và tăng sự hứng thú, tăng sự tham gia của HS vào tiết học. GV có thể lựa chọn một số hoạt động gợi ý sau đây:

Tổ chức các trò chơi như: *Rung chuông vàng*, *Điền khuyết*, *Nổi cộm*, *Nhanh như chớp*, *Hiểu ý đồng đội*,... để kiểm tra việc ghi nhớ nhân vật, các chi tiết, sự việc trong câu chuyện *Cô bé bán diêm*.

Sử dụng kĩ thuật nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ (bỏ qua bước nghĩ – viết) để HS chia sẻ về đề tài, chủ đề, sự việc, chi tiết tiêu biểu, những nhận xét về nhân vật cô bé bán diêm, tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

Sử dụng kĩ thuật *Khăn trải bàn* để HS ghi lại những kinh nghiệm cá nhân khi đọc truyện ngắn. Sau đó, HS chia sẻ trong nhóm, thống nhất những kinh nghiệm chung. GV mời một vài nhóm lên chia sẻ trước lớp.

VIẾT

1. Yêu cầu cần đạt

– Biết viết VB bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

– Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.

2. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài

GV nêu câu hỏi “Tại sao chúng ta cần thực hành thêm một lần nữa kiểu bài kể về một trải nghiệm của bản thân sau khi đã học trong bài số 4, học kì 1?” và để HS tự do phát biểu ý kiến, sau đó chốt lại về vai trò của kĩ năng viết văn kể chuyện và tác dụng của việc lặp đi lặp lại nhiều lần một kiến thức quan trọng sẽ giúp nâng cao kĩ năng viết.

Từ đó, GV dẫn dắt vào kiến thức trong *Tri thức về kiểu bài* (SGK). GV yêu cầu HS nhắc lại các ý chính trong mục này để đảm bảo HS đã hiểu đúng.

3. Phân tích kiểu văn bản

GV yêu cầu HS đọc bài *Trải nghiệm về một chuyến đi*.

GV tổ chức cho HS lần lượt trả lời ngắn gọn 5 câu hỏi về đặc điểm kiểu bài. Sau đó, GV tổ chức cho các em chia sẻ kết quả với các thành viên trong nhóm. Các nhóm thống nhất câu trả lời cho 5 câu hỏi, GV mời mỗi nhóm trả lời một câu, GV chốt ý.

4. Viết theo quy trình

Bước 1: Chọn đề tài cho bài kể lại một trải nghiệm.

– GV phát cho mỗi HS một tờ giấy ghi chú, yêu cầu các em liệt kê những hoạt động em đã trải nghiệm giúp đời sống tâm hồn của em phong phú.

– Sau khi HS viết xong, cho HS dán giấy ghi chú lên một tờ giấy A4 và cùng nhau chia sẻ trong nhóm.

– HS chốt lại đề tài cho bài viết của mình.

– GV xem các đề tài của HS và gợi ý điều chỉnh nếu HS chọn:

+ Hoạt động trải nghiệm chung chung (ví dụ: đọc sách, đi du lịch) mà không gắn liền với một đối tượng/nơi chốn cụ thể.

+ Hoạt động trải nghiệm đó ít liên quan đến quá trình nuôi dưỡng đời sống tâm hồn.

Bước 2: Từ đề tài đã xác định, GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng cho câu chuyện kể về một trải nghiệm giúp nuôi dưỡng tâm hồn bằng cách điền vào phiếu học tập sau:

Ý tưởng của tôi về bài kể lại một trải nghiệm giúp nuôi dưỡng tâm hồn

Đối tượng hoặc thời gian, nơi chốn tôi đã đến trải nghiệm
Tôi đi trải nghiệm cùng với ai?
Những sự việc chính xảy ra trong hành trình trải nghiệm.
Cảm xúc, tình cảm của tôi lúc trải nghiệm hoặc kỉ niệm sâu sắc nhất.
Tâm hồn tôi được nuôi dưỡng như thế nào sau trải nghiệm?

Bước 3: Hướng dẫn HS dựa vào phiếu học tập để hoàn thành dàn ý chi tiết cho bài

văn, bao gồm cả phần mở bài và kết bài.

Bước 4: Hướng dẫn HS dùng bảng kiểm trong SGK để tự kiểm tra bài viết của mình, sau đó cho HS chấm chéo bài viết của nhau theo các tiêu chí trong bảng kiểm.

Lưu ý: nhắc HS tránh các lỗi hay gặp dưới đây:

– Sa đà vào việc kể lể quá chi tiết các sự việc nhỏ khi trải nghiệm khiến bài viết dài dòng, lan man.

– Không xác định được các sự việc quan trọng nên hành trình trải nghiệm mơ hồ, không giúp người đọc hình dung được các diễn biến chính đã xảy ra.

– Không rút ra được các bài học về quá trình nuôi dưỡng tâm hồn (tình cảm, cảm xúc) mà việc trải nghiệm mang lại hoặc nêu quá nhiều bài học, bị trùng lặp ý, thiếu trọng tâm.

NÓI VÀ NGHE

1. Yêu cầu cần đạt

– Kể lại được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.

2. Thực hành nói và nghe

Các hoạt động dạy học trong phần này nhằm hướng dẫn HS đạt trọng tâm:

– HS biết cách kể lại trải nghiệm của bản thân sao cho hấp dẫn, thu hút người nghe, có thể sử dụng thêm hình ảnh, đồ vật minh họa (so với học kì I, ở bài số 4, các em chỉ mới kể lại một trải nghiệm từ bài viết).

– GV tạo tình huống để dẫn dắt HS vào hoạt động nói – nghe. Do đây là tiết học dựa trên nền tảng kiến thức – kĩ năng HS đã có sau bài 4, nên GV có thể sáng tạo, tổ chức giờ học theo các hình thức đa dạng, thu hút HS.

Lưu ý: GV khuyến khích HS sử dụng một trong các cách sau để bài nói thêm hấp dẫn, thuyết phục:

– Sử dụng hình ảnh: vẽ một bức tranh liên quan đến câu chuyện hoặc tóm tắt nội dung trải nghiệm trong một sơ đồ tư duy.

– Sử dụng âm thanh: dùng nhạc nền hoặc clip minh họa cho bài nói của em.

– Sử dụng đồ vật, mô hình: cầm theo một đồ vật hoặc một mô hình liên quan đến câu chuyện em đã trải qua.

ÔN TẬP

Trước khi ôn tập, GV cần hướng dẫn HS tự hoàn thành các bài tập trong mục Ôn tập ở nhà. Trong lớp học, GV nên dành 1 tiết để HS chia sẻ kết quả các bài tập đã làm trong mục Ôn tập.

Câu hỏi 1: GV có thể tổ chức cho HS chơi các trò chơi (theo nhóm hoặc cặp) để kiểm tra việc nắm nội dung chính trong các VB đọc mà HS tóm tắt nội dung chính ở nhà.

Câu hỏi 2: GV nên gợi ý HS làm một sổ tay nhỏ để ghi những điều HS đã làm. Mục đích của hoạt động này là giúp nuôi dưỡng tâm hồn HS. HS có thể cùng phụ huynh thực hiện các hoạt động này để phụ huynh hiểu con mình hơn.

Câu hỏi 3: GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân và thảo luận nhóm về ý nghĩa của việc nuôi dưỡng tâm hồn: giúp con người có một cuộc sống phong phú, giàu cảm xúc; giúp con người có tình yêu và lòng biết ơn cuộc sống; giúp con người sống có ý nghĩa, cân bằng; giúp con người có những điểm tựa tinh thần khi trải qua biến cố trong cuộc sống,...

Gợi ý tổ chức hoạt động như sau:

- Bước 1: HS tự hoàn thành phiếu học tập;
- Bước 2: Sau khi chia sẻ suy nghĩ trong nhóm, cả nhóm cùng nhau chốt lại những điểm chung về ý nghĩa của việc nuôi dưỡng đời sống tâm hồn;
- Bước 3: Nhóm chọn một hình ảnh biểu tượng cho các ý đã thống nhất trong bước 2. Ví dụ như bông hoa, giọt nước, cái cây,... và giải thích ý nghĩa của biểu tượng.